

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH GIA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/HS-ST

Ngày: 14-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Học

2. Ông Nguyễn Văn Tòng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Quốc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2018/TLST – HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST – HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thị Minh P – Sinh ngày: 16/11/1979; Nơi ĐKKHKT: xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 3/12; Con ông: Vũ Văn C – Sinh năm: 1943 và con mẹ: Nguyễn Thị X – Sinh năm: 1951; Có chồng: Lê Ngọc Th – Sinh năm: 1976; có 03 con: Lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 07/5/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Cao S – Sinh ngày: 16/02/1982; Nơi ĐKKHKT: Phường Ea, TP. B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện nay: Số nhà 222, tổ dân phố 5, Phường Ea, TP. B, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt N; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông: Bùi Phong V và bà: Vũ Thị Ng (Đều đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị Như Q – Sinh năm: 1989; Có 01 con sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đức N – Sinh ngày: 04/3/1987; Nơi ĐKKHKT: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Nguyễn Đức X – Sinh năm: 1954 và con bà: Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1958; Có vợ: Kim Thị H – Sinh năm: 1984; Có 02 con: Lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn: “Cầm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. HTX dịch vụ tổng hợp Trường Lâm

Trụ sở giao dịch: UBND xã Tr, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá T – Sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Tr, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. HTX dịch vụ Tùng Lâm

Trụ sở giao dịch: Thôn Tr2, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn L – Sinh năm: 1957

Địa chỉ: Thôn Tr2, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

*** Người có quyền lợi liên quan:**

1. Trịnh Đình Th – Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Lê Khắc S – Sinh năm: 1979

3. Nguyễn Đức X – Sinh năm: 1972

Đều có địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

4. Anh Đỗ Hồng V – Sinh năm : 1990

Trú tại : Thôn B, xã Tr, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

*** Người làm chứng:**

1. Lê Đình Nh – Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn H, xã Tr1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Hồ Thị H – Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

Tại phiên tòa có mặt Ông Trịnh Văn L, còn lại đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Minh P là người buôn bán phế liệu. Để phục vụ cho công việc, P đã thuê chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Anthai Coneco BKS: 37S – 5996 của anh Đỗ Hồng V – Sinh năm: 1990 (trú tại thôn B, xã Tr, huyện Tĩnh Gia) làm P tiện vận chuyển. P thuê Bùi Cao S làm lái xe, Nguyễn Đức N là người bốc hàng. Quá trình đi thu, mua và nhập phế liệu từ huyện T vào huyện D, tỉnh Nghệ An, P thấy có nhiều xe đẩy rác để ở đường, không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 03/3/2018 đến 17/03/2018, P đã rủ S và N dùng xe ô tô BKS: 37S – 5996 thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Rạng sáng ngày 03/3/2018, P có nói với N và S “*lấy trộm xe chở rác đi bán lấy tiền tiêu xài vì xe chở rác lấy trộm không ai biết được đâu*”, N và S đồng ý. Lúc này, P hướng dẫn S điều khiển ô tô vào đường Đông Tây 4

thuộc thôn H, xã Tr, huyện Tĩnh Gia thì thấy có xe đẩy rác để bên đường. Thấy vậy, S lúi xe vào, P ngồi trên cabin xe, còn N và S xuống xe đi lại chỗ xe đẩy rác của hợp tác xã dịch vụ xã Trường Lâm để trộm cắp tài sản. Sau đó, khi lên xe, N và S nói cho P biết đã lấy được 03 xe đẩy rác, cả ba về nhà N ở thôn M, xã T1, huyện T nghỉ ngơi và vận chuyển xe đẩy rác trên thùng xe ô tô. Đến sáng ngày 03/3/2018, sau khi đi thu mua phế liệu về thì P đem hàng đi nhập và bán xe đẩy rác cho chủ cửa hàng thu mua phế liệu là Hồ Thị H SN 1981 ở khu công nghiệp nhỏ, Xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An được 1.230.000đ (*Một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*), P đưa cho N 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*), phần còn lại P giữ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 66/KLĐGTS ngày 26/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tĩnh Gia kết luận: 03 xe đẩy rác bằng kim loại, thùng chứa 0,5m³ xe sử dụng từ tháng 9/2017 giá trị còn lại là: 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ hai: Rạng sáng ngày 04/3/2018, P và S trên đường đi nhập phế liệu từ Nghệ An về, khi đi đến địa phận xã Tr, huyện T, P đã chỉ cho S lái xe ô tô vào thôn Tr, xã Tr, huyện T tìm xe đẩy rác để trộm cắp. Tại đây, P và S đã trộm cắp 01 xe đẩy rác. Tiếp đó, S điều khiển xe ô tô sang khu vực thôn H, xã Tr, huyện Tĩnh Gia và trộm cắp 02 xe đẩy rác của hợp tác xã dịch vụ xã Tr, huyện T rồi điều khiển xe về nhà N ở thôn M, xã T1. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày, P, S và N đi thu mua phế liệu tại xã C, huyện T thì P đã đổi 01 bộ khung xe đẩy rác gồm khung xe có 02 bánh tròn to, 01 bánh tròn nhỏ với giá trị tương đương 45kg sắt phế liệu cho anh Trịnh Đình Th SN 1974 trú tại thôn H, xã C, huyện T. Khi đi nhập phế liệu tại D, Nghệ An, P đã bán 02 xe đẩy rác, 01 vỏ xe đẩy rác và 45kg sắt cho Hồ Thị H với số tiền 1.230.000đ (*Một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*), P đưa cho S 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), phần còn lại P giữ và tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 67/KLĐGTS ngày 26/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tĩnh Gia kết luận: 03 xe đẩy rác bằng kim loại, thùng chứa 0,5m³ xe sử dụng từ tháng 9/2017 giá trị còn lại là: 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ đến 02 giờ sáng ngày 07/3/2018, khi đi nhập hàng phế liệu từ Nghệ An về qua thôn Kh, xã T, huyện Tĩnh Gia khi nhìn thấy đoạn đi vào UBND xã Tùng Lâm có 01 xe đẩy rác thì S quay xe lại chỗ xe đẩy rác thì N và S xuống xe trộm cắp 01 xe đẩy rác. Sau đó, S điều khiển xe đến góc sân quán ăn nhà hàng Hoan Huệ, cách vị trí lấy xe đẩy rác khoảng 300m thì N và S tiếp tục xuống xe trộm cắp được 03 xe đẩy rác còn P vẫn ngồi trên cabin xe. Sau đó, điều khiển xe về nhà N nghỉ. Đến sáng cùng ngày, P, N và S đi thu mua phế liệu, khi đến xã C, huyện T thì P tiếp tục đổi cho Thi 02 xe đẩy rác lấy 110kg sắt phế liệu. 02 xe đẩy rác còn lại P bán cho Lê Khắc S SN 1979 và Nguyễn Đức X SN 1972 đều trú tại thôn S, xã H, huyện T với giá 450.000đ/01 xe đẩy rác. Sau khi nhập phế liệu từ Nghệ An về, P đưa cho N 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*), N đưa cho S 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 68/KLĐGTS ngày 26/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tĩnh Gia kết luận: 04 xe đẩy rác bằng kim

loại, thùng chứa 0,5m³ xe sử dụng từ tháng 1/2018 giá trị còn lại là: 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 4: Rạng sáng ngày 17/3/2018, khi đi nhập hàng phế liệu về thì P hướng dẫn S điều khiển xe ô tô vào khu vực bãi rác thải Nghi Sơn thuộc thôn Tr, xã Tr, huyện T. Đến nơi, P vẫn ngồi trên cabin xe, S và N đi lại chỗ có xe đẩy rác đổ hết rác trong thùng xe xuống đường rồi trộm cắp 05 xe đẩy rác của hợp tác xã dịch vụ xã Trường Lâm. Toàn bộ số xe đẩy rác trên P đã bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của Hồ Thị H được 2.050.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền trên P đưa cho N 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), N đưa cho S 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Số tiền còn lại P giữ và tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 69/KLĐGTS ngày 26/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tĩnh Gia kết luận: 05 xe đẩy rác bằng kim loại, thùng chứa 0,5m³ xe sử dụng từ tháng 9/2017 giá trị còn lại là: 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp: 37.200.000đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền được chia khi bán tài sản trộm cắp cụ thể: Vũ Thị Minh P: 1.480.000đ (Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng); Bùi Cao S: 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng); Nguyễn Đức N: 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

Ngày 26/3/2018, Nguyễn Đức N và Bùi Cao S đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh gia đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với hành vi mua xe đẩy rác của Trịnh Đình Th, Lê Khắc S, Nguyễn Đức X: Do không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có và khi đổi, bán xe đẩy rác P không nói cho Thi, Sơn và Xuyên biết đó là tài sản trộm cắp nên không cấu thành tội phạm. Trịnh Đình Th, Lê Khắc S, Nguyễn Đức X đã tự nguyện giao nộp xe đẩy rác đã mua cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện Tĩnh Gia.

Đối với hành vi mua xe đẩy rác của Hồ Thị H: quá trình điều tra xác định Hiền có nhập phế liệu của P nhưng không nhớ rõ có xe đẩy rác hay không và P khi bán cũng không nói cho Hiền biết xe đẩy rác là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đang tiếp tục điều tra, xác minh theo quy định.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Anthai Coneco BKS: 37S – 5996 là của anh Đỗ Hồng V – Sinh năm: 1990; trú tại thôn B, xã Tr, huyện Tĩnh Gia Khi cho P thuê xe anh Vũ không biết P dùng làm P tiện để trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Hồng V.

- 04 xe đẩy rác và 01 bộ khung xe đẩy rác đang được quy trữ theo quy định của pháp luật. Số xe đẩy rác còn lại, quá trình điều tra chưa thu giữ được.

Về dân sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử các bị cáo Vũ Thị Minh P, Bùi Cao S và Nguyễn Đức N đã thỏa thuận:

- Bồi thường cho HTX dịch vụ tổng hợp Trường Lâm giá trị của 11 xe đẩy rác mà các bị cáo trộm cắp và tiền thuê người thu gom rác trong những ngày

không có xe rác tổng số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Các bên đã giao nhận tiền đầy đủ số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) như thỏa thuận ở trên và cùng cam kết không có khiếu nại, khiếu kiện gì về phần bồi thường thiệt hại.

- Đối với HTX dịch vụ tổng hợp Tùng Lâm đã thỏa thuận nhận lại 04 xe đẩy rác hiện nay đã được nhập kho tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia. Còn lại 01 khung xe đẩy rác mà Cơ quan điều tra đã thu giữ hiện đã nhập kho thi hành án. Do các bị cáo đã bồi thường xong cho HTX dịch vụ Trường Lâm nên các bị cáo thống nhất thỏa thuận giao khung xe đẩy rác nói trên cho HTX dịch vụ Tùng Lâm để sử dụng và bồi thường cho HTX dịch vụ Tùng Lâm số tiền chi phí khác khi mất 4 xe đẩy rác với số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

- Các bị cáo đã thỏa thuận trả lại số tiền mua xe đẩy rác cho anh Trịnh Đình Th, Lê Khắc S và Nguyễn Đức X. Các bên đã giao nhận tiền cho nhau đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 71/CT-VKSTG ngày 27/6/2018 của VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Vũ Thị Minh P, Bùi Cao S và Nguyễn Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vũ Thị Minh P;

+ Khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Bùi Cao S và Nguyễn Đức N;

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với các bị cáo:

+ Vũ Thị Minh P từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bùi Cao S từ 09 tháng đến 12 tháng tù, (được trừ 6 ngày đã tạm giữ) Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

+ Nguyễn Đức N 09 tháng đến 12 tháng tù, (được trừ 6 ngày đã tạm giữ) Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

+ 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Anthai Coneco BKS: 37S – 5996 là của anh Đỗ Hồng V - Sinh năm: 1990; trú tại thôn B, xã Tr, huyện Tĩnh Gia Khi cho P thuê xe anh Vũ không biết P dùng làm P tiện để trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Hồng V. Anh Vũ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Các bị cáo Vũ Thị Minh P, Bùi Cao S và Nguyễn Đức N đã thỏa thuận bồi thường cho HTX dịch vụ tổng hợp Trường Lâm giá trị của 11 xe đẩy rác mà

các bị cáo trộm cắp và tiền thuê người thu gom rác trong những ngày không có xe rác với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Các bên đã giao nhận tiền đầy đủ số tiền như thỏa thuận ở trên và cùng cam kết không có khiếu nại, khiếu kiện gì nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Đối với HTX dịch vụ tổng hợp Tùng Lâm thỏa thuận nhận lại 04 xe đẩy rác hiện nay đã được nhập kho tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia. Các bị cáo Vũ Thị Minh P, Bùi Cao S và Nguyễn Đức N đã thỏa thuận bồi thường cho HTX dịch vụ Tùng Lâm các chi phí khác khi mất 4 xe đẩy rác với số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), HTX dịch vụ tổng hợp Tùng Lâm đã nhận đủ số tiền nói trên theo thỏa thuận

Còn lại 01 khung xe đẩy rác mà Cơ quan điều tra đã thu giữ hiện đã nhập kho thi hành án do các bị cáo đã bồi thường xong cho HTX dịch vụ Tùng Lâm nên các bị cáo thống nhất thỏa thuận giao khung xe đẩy rác nói trên cho HTX dịch vụ Tùng Lâm để sử dụng

+ Các bị cáo đã thỏa thuận trả lại số tiền mua xe đẩy rác cho anh Trịnh Đình Th, Lê Khắc S và Nguyễn Đức X. Các bên đã giao nhận tiền cho nhau đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Do các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ tài sản trộm cắp cho bị hại, do đó HĐXX tuyên trả lại cho các bị cáo số tiền mà các bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia cụ thể: Vũ Thị Minh P: 1.480.000đ (*Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*); Bùi Cao S: 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*); Nguyễn Đức N: 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*).

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;
- Trách nhiệm chịu án phí đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay các bị cáo Vũ Thị Minh P, Bùi Cao S và Nguyễn Đức N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ căn cứ khẳng định các bị cáo Vũ Thị Minh P, Bùi Cao S và Nguyễn Đức N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án: Các bị cáo là người có đủ năng lực về mọi mặt để nhận thức được “Trộm cắp tài sản” là hành vi vi phạm pháp luật và là tội phạm. Song, do lười biếng, muốn hưởng thụ mà lại không chịu lao động nên bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Giá trị tài sản mỗi lần các bị cáo trộm cắp đều trên 2 triệu đồng và tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 37.200.000đ (*Ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*). Do đó các bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử buộc phải chịu một hình phạt là cần thiết và cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm, nhưng hành vi của các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau. Vì vậy việc áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo cần phải có sự phân hóa vai trò để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt phải xem xét đến nhân thân của từng bị cáo và số lần mà các bị cáo tham gia trộm cắp (Bị cáo Vũ Thị Minh P và Bùi Cao S thực hiện 4 lần trộm cắp, Nguyễn Đức N thực hiện 3 lần trộm cắp) cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt cho từng bị cáo phù hợp với pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:

- Đối với bị cáo Vũ Thị Minh P: Ngày 07/5/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tuy đến nay không còn là tiền án, nhưng lần này bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Trong vụ án này bị cáo với vai trò đầu và phải chịu mức hình phạt cao nhất bởi bị cáo là người khởi xướng, tham gia tích cực và trực tiếp bán tài sản đã trộm cắp được sau đó chia tiền cho các bị cáo khác. Chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, cố tình không chịu rèn luyện, cải sửa để trở thành con người tốt. Hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo của bản án trước không đủ để giáo dục và cải tạo các bị cáo trở thành người tốt. Với nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, nghĩ cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã cùng với các bị cáo khác tự nguyện khắc phục toàn bộ tài sản đã trộm cắp cho bị hại và trả lại tiền cho những người có liên quan. Bị hại và những người có quyền lợi liên quan đều có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cũng như xem xét bị cáo là phụ nữ vợ chồng tuy chưa ly hôn nhưng đã ly thân 3 năm nay, hiện tại bị cáo đang phải nuôi 3 con nhỏ giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo phải chịu một tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đó là phạm tội nhiều lần.

- Đối với các bị cáo Bùi Cao S và Nguyễn Văn N: Tiền án, tiền sự: Không; sau khi phạm tội nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên cả 2 bị cáo đã đến cơ quan CSĐT Công An huyện Tĩnh Gia đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo; tự nguyện khắc phục toàn bộ tài sản đã trộm cắp cho bị hại và trả lại tiền cho những người có liên quan. Bị hại và những người có quyền lợi liên quan đều có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1; và 2 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Nhưng các bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đó là phạm tội nhiều lần. Bị cáo Bùi Cao S được áp dụng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 vì bị cáo có bố tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng huân chương kháng chiến.

Đánh giá một cách toàn diện thấy rằng: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là người dân lao động, nhận thức pháp luật còn hạn chế; ở địa P, các bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính S pháp luật của Nhà nước, ngoài lần phạm tội này thì từ trước đến nay các bị cáo không có vi phạm gì (có xác nhận của chính quyền địa P). Từ những lý do nói trên khi quyết định hình phạt cần xem xét bị cáo Bùi Cao S tham gia 4 lần, còn Nguyễn Đức N tham gia 3 lần trộm cắp. Tuy nhiên bị cáo Bùi Cao S có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo Nguyễn Đức N nên cần tuyên 2 bị cáo có mức hình phạt bằng nhau. Nhưng nghĩ cần thiết phải cách ly cả 2 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo cũng như răn đe phòng ngừa chung và đúng với quy định của pháp luật (Khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/ NQ – HĐTP ngày 15/5/2018).

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

+ 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Anthai Coneco BKS: 37S – 5996 là của anh Đỗ Hồng V - Sinh năm: 1990; trú tại thôn B, xã Tr, huyện Tĩnh Gia Khi cho P thuê xe anh Vũ không biết P dùng làm P tiện để trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Hồng V. Anh Vũ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử các bị cáo Vũ Thị Minh P, Bùi Cao S và Nguyễn Đức N đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại cụ thể như sau:

+ Đối với HTX dịch vụ tổng hợp Trường Lâm: Thỏa thuận bồi thường giá trị của 11 xe đẩy rác mà các bị cáo trộm cắp và tiền thuê người thu gom rác trong những ngày không có xe rác tổng số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Các bên đã giao nhận tiền đầy đủ số tiền như thỏa thuận ở trên và cùng cam kết không có khiếu nại, khiếu kiện gì về phần bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xem xét.

+ Đối với HTX dịch vụ tổng hợp Tùng Lâm thỏa thuận nhận lại 04 xe đẩy rác hiện nay đã thu giữ và nhập kho tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia. Các bị cáo Vũ Thị Minh P, Bùi Cao S và Nguyễn Đức N đã thỏa thuận bồi

thường cho HTX dịch vụ Tùng Lâm các chi phí khác khi mất 4 xe đẩy rác với số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), HTX dịch vụ tổng hợp Tùng Lâm đã nhận đủ số tiền nói trên theo thỏa thuận;

Còn lại 01 khung xe đẩy rác mà Cơ quan điều tra đã thu giữ hiện đã nhập kho thi hành án do các bị cáo đã bồi thường xong cho HTX dịch vụ Tùng Lâm nên các bị cáo thống nhất thỏa thuận giao 01 khung xe đẩy rác nói trên cho HTX dịch vụ Tùng Lâm để sử dụng.

+ Các bị cáo đã thỏa thuận và trả lại số tiền mua xe đẩy rác cho anh Trịnh Đình Th, Lê Khắc S và Nguyễn Đức X. Các bên đã giao nhận tiền cho nhau đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

+ Do các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ tài sản trộm cắp cho bị hại, do đó HĐXX tuyên trả lại cho các bị cáo số tiền mà các bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia cụ thể: Vũ Thị Minh P: 1.480.000đ (*Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*); Bùi Cao S: 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*); Nguyễn Đức N: 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*).

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 : "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vũ Thị Minh P;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Cao S;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị Nguyễn Đức N;

- Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Thị Minh P, Bùi Cao S và Nguyễn Đức N đều phạm tội "Trộm cắp tài sản";

- Xử phạt các bị cáo cụ thể như sau:

+ Vũ Thị Minh P 12 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án;

+ Bùi Cao S 10 tháng tù (được trừ 6 ngày đã tạm giữ); Thời hạn tù còn lại phải chấp hành là 09 tháng 24 ngày tnh từ ngày bắt thi hành án;

+ Nguyễn Đức N 10 tháng tù (được trừ 6 ngày đã tạm giữ); Thời hạn tù còn lại phải chấp hành là 09 tháng 24 ngày tính từ ngày bắt thi hành án;

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

+ Trả lại cho HTX dịch vụ tổng hợp Tùng Lâm 04 xe đẩy rác và 01 khung xe đẩy rác

(Theo phiếu nhập kho số NK2018/72 ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án huyện Tĩnh Gia)

+ Trả lại cho bị cáo Vũ Thị Minh P: 1.480.000đ (Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng); Bùi Cao S: 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và Nguyễn Đức N: 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng)

(Theo biên lai thu tiền số AA/2013/00639 ngày 27/6/2018; AA/2013/00640 ngày 28/6/2018 và AA/2013/00641 ngày 5/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia)

- Án phí: Áp dụng các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a khoản 1 Điều 23; mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Thị Minh P, Bùi Cao S và Nguyễn Đức N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và đại diện cho HTX dịch vụ Tùng Lâm, còn lại vắng mặt tại phiên tòa. Tuyên bố những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**
TÒA

Nguyễn Quang Học Nguyễn Văn Tòng

Lê Thị Hạnh